|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT THẠCH THẤT**  ***Nhóm: Văn*** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I**  **Môn: Ngữ văn- Lớp 11**  **Năm học: 2025- 2026** |

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**A. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

**I. NGÔI KỂ VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ**

**1. Yêu cầu chung:**

- Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn.

- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn.

- Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.

- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn.

- Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn.

- Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.

- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.

- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.

- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.

**2. Vận dụng đọc hiểu văn bản truyện.**

**II. CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ**

- Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.

- Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.

- Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.

- Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.

- Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.

- Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.

- Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).

- Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.

- Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.

- Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.

**2. Vận dụng đọc hiểu văn bản thơ.**

**III. CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**1. Yêu cầu chung:**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản.

- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

- Xác định được nội dung và ý nghĩa của văn bản. Nhận biết được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết.

- Nhận biết và đánh giá được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận.

- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.

- Thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.

**2. Vận dụng đọc hiểu văn bản nghị luận**

**IV. TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH**

**1. Yêu cầu chung**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả,…

- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

**2. Vận dụng đọc hiểu văn bản truyện thơ, văn bản thơ có yếu tố tự sự.**

**V. NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH**

**1. Yêu cầu chung**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản

**2. Vận dụng đọc hiểu văn bản kịch.**

**B. TIẾNG VIỆT**

**I**. Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.

**II.** Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.

**III.** Nhận biết được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân.

**C. VIẾT**

**I.** Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả.

**II.** Viết văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm.

**III.** Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: Con người với cuộc sống xung quanh; Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT THẠCH THẤT**  ***Nhóm văn*** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **Môn: ngữ văn 11**  **Năm học 2025-2026** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành phần năng lực** | **Mạch nội dung** | **Số câu** | **Cấp độ tư duy** | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tổng %** |
| **Số câu** | **Tỉ lệ** | **Số câu** | **Tỉ lệ** | **Số câu** | **Tỉ lệ** |  |
| **I** | **Năng lực Đọc** | **Văn bản đọc hiểu** | **5** | **2** | **10%** | **2** | **20%** | **1** | **10%** | **40%** |
| **II** | **Năng lực Viết** | **Nghị luận xã hội** | **1** | **15%** | | **15%** | | **30%** | | **60%** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **25%** | | **35%** | | **40%** | | **100%** |
| **Tổng** | | | **6** | **100%** | | | | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Thơ (Ngoài SGK) | **Nhận biết**  Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa  của ngôn từ, yếu tố tượng trưng trong thơ, cấu tứ, hình ảnh; chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.  **Thông hiểu**  - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản thơ.  - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.  **Vận dụng**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân. | 2TL | 2TL | 1TL | 5 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Viết văn  bản nghị luận xã hội | **Nhận biết**:  Giới thiệu ngắn gọn về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết  - Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề | 1\* | 1\* | 1\* |  |
| **Tổng** | | |  | **2 TL** | **2TL** | **1 TL** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***25*** | ***35*** | **25** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **100** |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ MINH HỌA**

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới.**

**Những cánh buồm**

**--- Hoàng Trung Thông ---**

Hai cha con bước đi trên cát  
Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh  
Bóng cha dài lênh khênh  
Bóng con tròn chắc nịch.  
  
Sau trận mưa đêm rả rích  
Cát càng mịn, biển càng trong.  
Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng,  
Nghe con bước lòng vui phơi phới.  
  
Con bỗng lắc tay cha khẽ hỏi:  
“Cha ơi!  
Sao xa kia chỉ thấy nước, thấy trời  
Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?”  
  
Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:  
“Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa,  
Sẽ có cây, có cửa, có nhà  
Vẫn là đất nước của ta,  
Ở nơi đó cha chưa hề đi đến.”  
  
Cha lại dắt con đi trên cát mịn,  
Ánh nắng chảy đầy vai,  
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời,  
Con lại trỏ cánh buồm xa hỏi khẽ:  
“Cha mượn cho con buồm trắng nhé,  
Để con đi...”  
  
Lời của con hay tiếng sóng thầm thì  
Hay tiếng của lòng cha từ một thời xa thẳm  
Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận  
Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con.

--- 1963 ---

\* **Chú thích**: Bài thơ nói về ước mơ thống nhất hai miền Nam - Bắc của tác giả trong thời kỳ chiến tranh thống nhất đất nước.

**Câu 1 (0.5 điểm)**: Nêu dấu hiệu nhận biết của thể thơ?

**Câu 2 (0.5 điểm)**: Chỉ ra ba dấu hiệu để nhận biết yếu tố tự sự trong bài thơ.

**Câu 3 (1.0 điểm):** Nêu tác dụng của phép đối trong hai câu thơ

*Bóng cha dài lênh khênh  
Bóng con tròn chắc nịch.*

**Câu 4 (1.0 điểm)**: Chỉ ra ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh những cánh buồm trong bài thơ?

**Câu 5 (1.0 điểm):** Thông điệp ý nghĩa nhất em rút ra được sau khi đọc bài thơ là gì? Vì sao? (Lí giải trong khoảng 5 - 7 dòng).

**Phần II: Viết (6.0 điểm)**

Trước vấn nạn ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, nhân loại cần thực hành lối sống xanh để bảo vệ môi trường, bảo vệ sự sống của chính mình.

Từ thực tế trên, em hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 600 chữ bàn về sự cần thiết phải thực hành lối sống xanh.

**ĐÁP ÁN GỢI Ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | - Thể thơ: Tự do.  - Dấu hiệu: số tiếng trong mỗi dòng thơ khác nhau. | 0,5 |
| **2** | Ba dấu hiệu để nhận biết yếu tố tự sự trong bài thơ là:  - Bài thơ kể lại câu chuyện về hai cha con dạo chơi trên bờ biển, cuộc đối thoại của hai cha con.  - Nhân vật: cha và con.  - Có lời của người kể chuyện, lời của nhân vật... | 0,5 |
| **3** | Tác dụng của phép đối trong hai câu thơ  *Bóng cha dài lênh khênh Bóng con tròn chắc nịch.*  - Phép đối: *Bóng cha / bóng con; dài lênh khênh / tròn chắc nịch*  *-* Tác dụng:  + Về nghệ thuật: tạo nhịp điệu, tạo sự cân xứng cho hai câu thơ, làm cho hai câu thơ giàu tính tạo hình.  + Về nội dung: gợi ra hình ảnh bóng của người cha dài lênh khênh in trên bờ cát và bóng của con tròn chắc nịch. Hình ảnh bóng của bé con tròn chắc nịch là hình ảnh biểu tượng của sự chắc chắn, vững trãi và tự tin không chỉ của một cái bóng mà của một thế hệ, thể hiện niềm tin của tác giả đối với thế hệ sau, đối với lớp người kế tiếp. | 1.0 |
| **4** | **Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh những cánh buồm trong bài thơ:**  - Những cánh buồm biểu tượng cho những ước mơ của con người; biểu tượng cho khát vọng chinh phục những miền đất mới; biểu tượng cho khát vọng tự do... | 1,0 |
| **5** | **Hs có thể rút ra những thông điệp sau:**  - Thông điệp về tình cảm gia đình thiêng liêng, sâu nặng. Trong hành trình trưởng thành của con luôn có cha bên cạnh. Cha yêu thương, chia sẻ, đồng hành, làm bạn cùng con.  - Con người luôn mơ ước, khát khao chinh phục những vùng đất mới, những điều lớn lao mà mình chưa biết...  - Học sinh lí giải thuyết phục theo cách riêng của mình. | 1,0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẦN II: LÀM VĂN** | | **6,0** |
|  | **Trước vấn nạn ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, nhân loại cần thực hành lối sống xanh để bảo vệ môi trường, bảo vệ sự sống của chính mình.**  **Từ thực tế trên, em hãy viết một bài văn nghị luận khoảng 600 chữ bàn về sự cần thiết phải thực hành lối sống xanh.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc:*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề*  Nghị luận về vấn đề: sự cần thiết phải thực hành lối sống xanh. | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **MỞ BÀI: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận:** sự cần thiết phải thực hành lối sống xanh.  **THÂN BÀI**  **\* LĐ1: Giải thích: Lối sống xanh là** lối sống thân thiện với môi trường, hòa hợp với tự nhiên, bảo vệ tự nhiên. Trong xã hội hiện đại xô bồ, sống xanh được coi là lối sống tích cực, mang lại nhiều lợi ích cho chúng ta.  **Biểu hiện của sống xanh:** sống hòa hợp với tự nhiên, bảo vệ tự nhiên, sử dụng các sản phẩm có khả năng tái chế hoặc thân thiện với môi trường, chọn lựa thực phẩm và lối sống lành mạnh, đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người mà không gây tổn thương cho môi trường...  **\* LĐ2:** **Thể hiện quan điểm của người viết (Phân tích, chứng minh)**  Quan hệ giữa con người và tự nhiên  - Con người là 1 phần của tự nhiên, tự nhiên là ngôi nhà của chúng ta.  - Con người cần bảo vệ tự nhiên, bảo vệ tự nhiên là bảo vệ cuộc sống của chính mình => vì thế mà con người cần hướng tới lối sống xanh.  **Tại sao con người cần phải hướng tới lối sống xanh?** (vì **mặt tích cực** do lối sống xanh mang lại và vì **mặt tiêu cực** là môi trường của chúng ta đang ô nhiễm nghiêm trọng)  **- Mặt tích cực** do lối sống xanh mang lại: Nhờ hình thành lối sống xanh mà chất lượng cuộc sống của con người đã cải thiện rõ rệt. Ô nhiễm môi trường, khí thải nhà kính được giảm thiểu. Thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt, phương tiện di chuyển.... không rơi vào tình trạng lãng phí. Sức khỏe con người vì thế cũng được bảo đảm; Sống xanh giúp cho tinh thần của con người trở nên thoải mái hơn; ...  **-** Con người cần hướng tới lối sống xanh vì **mặt tiêu cực** là môi trường của chúng ta đang ô nhiễm nghiêm trọng.  + Hiện trạng.  + Nguyên nhân  + Hậu quả  **\* LĐ 3: Nêu ý kiến trái chiều và phản bác:**  **-** Có ý kiến cho rằng*:* Sống xanh là lối sống khó áp dụng vì tốn kém và nhàm chán/Hoặc sống xanh chỉ phù hợp với những người yêu thiên nhiên, cây cối hay làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp.  - Phản bác: bởi vì bản chất của sống xanh là tiết kiệm được chi phí khá nhiều; Sống xanh phù hợp với tất cả mọi người và là lối sống rất cần vươn tới của mọi người.  **\* LĐ 4: Giải pháp** để thực hiện sống xanh.  - Về phía cá nhân mỗi người...  - Về phía các cơ sở kinh doanh, sản xuất...  - Về phía nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền...  **3. Kết luận:** Rút ra bài học nhận thức, hành động đúng, liên hệ bản thân: thực hành lối sống xanh là cách chúng ta bảo vệ cuộc sống cũng như thế hệ tương lai của mình. | 4.5 |
|  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | **10,0** |